

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN H

TỈNH CAO BẰNG

Số: 11/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

H Q, ngày 24 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Lý Thị D; sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm B, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (địa chỉ tạm trú, nơi làm việc: Phạm Văn Th, Đội 9, xóm 6, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định)

- Bị đơn: Nông Văn P; sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm B, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lý Thị D và anh Nông Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng:

Chị Lý Thị D; địa chỉ: Xóm B, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng. (địa chỉ tạm trú, nơi làm việc: Phạm Văn Th, Đội 9, xóm 6, thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định) và anh Nông Văn P; địa chỉ: Xóm B, thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Lý Thị D và anh Nông Văn P cùng xác nhận anh, chị có con chung là Nông Quang Th (sinh ngày 05/10/2005), anh, chị cùng tự nguyện để anh P trực tiếp nuôi con. Anh P và chị D cùng tự nguyện thỏa thuận chị D góp tiền nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn) kể từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ mười tám tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản:

Chị Lý Thị D và anh Nông Văn P cùng tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Lý Thị D và anh Nông Văn P trình bày gia đình anh, chị thuộc hộ nghèo năm 2018, nhưng anh, chị tự nguyện không đề nghị Tòa án miễn nộp án phí, nhất trí nộp theo quy định. Do đó, Tòa án chấp nhận sự tự nguyện nộp tiền án phí của các đương sự.

Chị D chịu án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn phần của chị 75.000đ, tự nguyện chịu cả phần của anh P 75.000đ, tổng cộng là: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ, (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tổng cộng chị D phải nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2011/000964 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- UBND xã Lơ K, huyện K,
Tỉnh Gia Lai; (Nơi đăng ký kết hôn);
- UBND thị trấn X;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Văn Sơn

